

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 591/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Xuân Lang**

2. Ông **Phạm Văn Hề**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Võ Phạm Phương Hạnh** – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 596/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2072/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 135/2G đường P, tổ 8, khu phố 1, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Long D**, sinh năm 1983

Địa chỉ: USA.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2019 và bản tự khai ngày 18/11/2019, nguyên đơn bà Huỳnh Kim T trình bày:

Bà và ông Long D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 của UBND Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2016.

Sau khi kết hôn, ông Long D trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bà vẫn ở Việt Nam. Từ giữa năm 2017 đến nay vợ chồng rất ít liên lạc với nhau. Tuy không xảy ra cãi vã, gây gổ gì nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nguyên nhân do tính tình không hợp, mỗi người sống một nơi không có điều kiện quan tâm,

chăm sóc lẫn nhau. Đến nay, bà xác định tình cảm đối với chồng không còn, không thể duy trì cuộc hôn nhân được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn ông Long D đề ngày 18/02/2020 được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco chứng nhận ngày 19/3/2020 có nội dung như sau:

Ông có quen biết bà Huỳnh Kim T, sau đó hai bên tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 do UBND Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2016.

Sau khi kết hôn, ông trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bà T ở lại Việt Nam. Vợ chồng không có thời gian gần gũi và rất ít liên lạc với nhau. Nay không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm giữa hai bên không, mục đích hôn nhân không đạt, hiện tại cả hai đã có cuộc sống riêng. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Kim T, bị đơn ông Long D vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, thủ tục thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Huỳnh Kim T được ly hôn ông Long D. Con chung: không có. Tài sản chung không có gì.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Long D đang cư trú tại Hoa Kỳ, giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 124 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Huỳnh Kim T và ông Long D đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Huỳnh Kim T và ông Long D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 16/11/2016 của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của đôi bên thì sau khi kết hôn, ông Long D trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bà T ở lại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường. Sau đó, do vợ chồng sống xa nhau, không có điều kiện quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm lạnh nhạt, việc liên lạc giảm dần. Đến nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa, yêu cầu giải quyết ly hôn. Ý kiến ông Long D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Nhận thấy, quá trình hôn nhân giữa đôi bên thực tế không thể dung hoà được, giữa vợ chồng không còn muốn tiếp tục sống chung với nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và giúp đỡ nhau. Xét, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Do đó, việc đôi bên có nguyện vọng chấm dứt quan hệ hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Đôi bên thống nhất khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Huỳnh Kim T, ông Long D đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim T được ly hôn ông Long D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 16/11/2016 của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Kim T và ông Long D khai không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Huỳnh Kim T nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, căn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2019/0024806 ngày 24/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Huỳnh Kim T và bị đơn ông Long D; bà Huỳnh Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Long D được quyền kháng cáo trong thời hạn 01(một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung